



# CÔNG BÁO

Tỉnh Thái Nguyên

Số 34+35

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

06-11-2020	Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về tổ chức quản lý, khai thác, vận hành nhà ở sinh viên được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	5
13-11-2020	Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ban hành Quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.	6
20-11-2020	Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.	24

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

14-10-2020	Quyết định số 3316/QĐ-UBND về việc chuyển giao đất cho UBND huyện Định Hóa quản lý và sử dụng tại dự án xây dựng khu tái định cư di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất và có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và kè bờ suối khắc phục sạt lở tại xã Linh Thông, huyện Định Hóa.	25
------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----

19-10-2020	Quyết định số 3341/QĐ-UBND về việc giao đất cho Ban quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II - Diện tích 250 ha, tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công (đợt 1).	27
19-10-2020	Quyết định số 3342/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 14).	31
20-10-2020	Quyết định số 3357/QĐ-UBND công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên.	33
20-10-2020	Quyết định số 3358/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.	36
27-10-2020	Quyết định số 3418/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu dân cư số 4 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (đợt 3).	57
27-10-2020	Quyết định số 3419/QĐ-UBND phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh Thái Nguyên.	62
28-10-2020	Quyết định số 3429/QĐ-UBND công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực Bưu chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên.	73
29-10-2020	Quyết định số 3450/QĐ-UBND về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, chấm dứt hoạt động của dự án Khu đô thị kiểu mẫu Hương Sơn tại phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên.	78
29-10-2020	Quyết định số 3453/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đầu	80

thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên.

29-10-2020	Quyết định số 3456/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 15).	84
30-10-2020	Quyết định số 3460/QĐ-UBND về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án Nhà hàng Hồ điều hòa Xương Rồng II tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ.	87
03-11-2020	Quyết định số 3491/QĐ-UBND về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ vàng gốc Deluvi khu vực Bãi Mỏ, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai (đợt 1).	89
03-11-2020	Quyết định số 3492/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên, cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm thuê đất để sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng làm việc, kho chứa hàng tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.	91
05-11-2020	Quyết định số 3512/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty Cổ phần KOSY để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên (đợt 1).	94
09-11-2020	Quyết định số 3541/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ đất san lấp khu Đông tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công (đợt 1).	99
11-11-2020	Quyết định số 3570/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên, giao cho UBND phường Túc Duyên quản lý theo quy hoạch tại phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên.	103
12-11-2020	Quyết định số 3579/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên	109

để xây dựng Nhà trông coi khu căn cứ chiến đấu tại xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

16-11-2020

Quyết định số 3601/QĐ-UBND về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO để thực hiện dự án Khu nhà ở Bách Quang, tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1).

111

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2020/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 06 tháng 11 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Bãi bỏ Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về tổ chức quản lý, khai thác, vận hành nhà ở sinh viên được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1305/TTr-SXD ngày 04 tháng 6 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về tổ chức quản lý, khai thác, vận hành nhà ở sinh viên được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Giám đốc, Hiệu trưởng các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2020/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy vận thăng;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Thái Nguyên tại Tờ trình số 1802/TTr-SXD ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Công văn số 2759/SXD-GĐXD ngày 19 tháng 10 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

### **Chương I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quy định này quy định quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Ngoài các nội dung tại Quy định này thì việc quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình phải tuân theo các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và các quy định khác có liên quan.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan: Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) và chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### **Điều 2. Nguyên tắc quản lý sử dụng và phân công, phân cấp**

1. Quy định rõ về các hoạt động quản lý sử dụng cần trục tháp, máy vận thăng và trách nhiệm của các cơ quan, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Phân định rõ trách nhiệm, nâng cao tính chủ động, sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình của các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong quy định này, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Cần trục tháp*: Là loại cần trục có cần lắp với phần đỉnh tháp cố định hay di chuyển được quy định tại Mục 3.1 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn cần trục tháp trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 29/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng (sau đây gọi tắt là Thông tư 29/2016/TT-BXD).

2. Các loại vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng được quy định tại Mục 3.1 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 29/2016/TT-BXD:

a) *Vận thăng chở hàng có người đi kèm*: Là thiết bị nâng chuyên dùng để vận chuyển người và hàng hóa theo phương thẳng đứng tại các công trường, cấu tạo gồm có cabin (lồng nâng) di chuyển theo dẫn hướng thẳng đứng là thân tháp qua bộ truyền bánh răng - thanh răng (có thể có hoặc không có đối trọng).

b) *Vận thăng chở hàng không có người đi kèm*: Là thiết bị dùng để nâng, di chuyển và hạ hàng hóa theo phương thẳng đứng hoặc phương lệch với phương thẳng đứng một góc tối đa 15°.

3. *Vùng nguy hiểm vật rơi*: Là vùng nguy hiểm do vật có thể rơi tự do từ trên cao xuống phải được rào chắn, đặt biển báo, hoặc làm mái che bảo vệ với giới hạn

được xác định theo Bảng 1 Mục 2.2.1.6 QCVN 18:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng (sau đây gọi tắt là QCVN 18:2014/BXD).

4. *Công bố hợp quy*: Là việc tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm thiết bị cần trực tháp phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ SỬ DỤNG CẦN TRỰC THÁP, MÁY VẬN THĂNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

#### **Mục 1**

#### **QUẢN LÝ SỬ DỤNG CẦN TRỰC THÁP**

##### **Điều 4. Điều kiện lắp đặt, sử dụng cần trực tháp**

1. Có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật gốc của cần trực tháp, lí lịch thiết bị theo quy định tại Mục 1.3.2 và Mục 3.5.1.5 của QCVN 07:2012/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng (sau đây gọi tắt là QCVN 07:2012/BLĐTBXH).

2. Có hồ sơ đánh giá hợp quy, công bố hợp quy của cần trực tháp.

3. Có hồ sơ khảo sát vị trí dự kiến lắp đặt; thiết kế lắp đặt cần trực tháp tại vị trí dự kiến lắp đặt, phải được tính toán đảm bảo an toàn chịu lực, ổn định khi sử dụng của cần trực tháp được quy định tại Mục 1.4.1 và Mục 1.5.7.1.7 của TCVN 4244:2005 Thiết bị nâng - Thiết kế, chế tạo và kiểm tra kỹ thuật.

4. Có quy trình an toàn trong tháo, lắp và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong sử dụng cần trực tháp trên công trường được quy định tại Mục 2.12, Mục 3.5 của QCVN 29:2016/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với cần trục (sau đây gọi tắt là QCVN 29:2016/BLĐTBXH); Mục 2.6.1.2 của QCVN 18:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng (sau đây gọi tắt là QCVN 18:2014/BXD).

5. Có phương án đảm bảo an toàn cần trực tháp trong điều kiện mưa bão, đảm bảo khả năng chịu lực và ổn định bao gồm:

a) Trường hợp dự báo tốc độ gió bão trong giới hạn cho phép theo thiết kế của cần trục tháp phải có biện pháp, tiến độ hạ cần trục xuống sát tầng thi công gần nhất, tháo dỡ đối trọng và neo giằng thân tháp, tay cần cố định vào công trình đang thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối.

b) Trường hợp dự báo tốc độ gió bão lớn hơn tốc độ gió cho phép theo thiết kế của cần trục tháp phải có biện pháp, tiến độ tháo dỡ đối trọng, tay cần của cần trục tháp, neo giằng thân tháp cố định vào công trình đang thi công hoặc tháo dỡ thân tháp trong trường hợp không có khả năng neo giằng thân tháp vào công trình đảm bảo an toàn tuyệt đối.

6. Có mua bảo hiểm cho cần trục tháp và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

7. Có Giấy phép sử dụng đất, công trình công cộng, hợp đồng thuê đất hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đối với vị trí đặt móng cần trục tháp trong trường hợp móng cần trục tháp được xây dựng ngoài phạm vi công trường.

8. Đảm bảo phù hợp theo các quy định về quản lý độ cao công trình và chướng ngại vật phải được cảnh báo hàng không được quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

### **Điều 5. Sử dụng an toàn cần trục tháp**

1. Chỉ được lắp đặt cần trục tháp khi đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 4 của Quy định này. Lắp đặt, sử dụng cần trục tháp đảm bảo an toàn theo đúng quy trình và các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trên công trường đã được phê duyệt.

2. Thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lần đầu, kiểm định định kỳ và các trường hợp khác theo quy định tại QCVN 07:2012/BLĐTBXH. Kiểm định kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng lần đầu, kiểm định định kỳ và kiểm định bất thường theo quy định tại QTKĐ:01-2016/BXD Quy trình kiểm định kỹ thuật an

toàn cần trực tháp trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 29/2016/TT-BXD.

3. Công nhân điều khiển cần trục tháp và công nhân thực hiện buộc móc tải phải đảm bảo từ 18 tuổi trở lên, có đủ sức khỏe, được đào tạo về chuyên môn và được huấn luyện, cấp thẻ an toàn lao động theo đúng quy định. Việc bố trí công nhân điều khiển cần trục tháp phải có Quyết định bằng văn bản của người sử dụng lao động được quy định tại Mục 3.6.4 và Mục 3.6.5 của QCVN 07:2012/BLĐTBXH.

4. Khi cần trục tháp hoạt động, bất kỳ trường hợp nào cũng phải bố trí người đánh tín hiệu. Đơn vị sử dụng phải quy định và tổ chức thực hiện hệ thống trao đổi tín hiệu giữa người buộc móc tải với người điều khiển cần trục. Tín hiệu sử dụng phải được quy định cụ thể và đảm bảo không thể lẫn được với các tín hiệu khác ở xung quanh (trong trường hợp sử dụng thiết bị vô tuyến điện để liên lạc, đánh tín hiệu thì phải đăng ký sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện với cơ quan chức năng có thẩm quyền, đồng thời sử dụng tần số riêng đối với bộ phận quản lý và vận hành cần trục tháp) được quy định tại Mục 3.5.2.7 và Mục 3.5.2.8 của QCVN 29:2016/BLĐTBXH.

5. Trường hợp trong quá trình hoạt động các bộ phận của cần trục tháp như cần, đối trọng, tải có phạm vi vận hành phía trên đường giao thông thì không được phép vận hành cần trục trong giờ giao thông đông người (buổi sáng từ 6 giờ 00 phút đến 8 giờ 00 phút, buổi trưa từ 11 giờ 00 phút đến 14 giờ 00 phút, buổi chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút). Trường hợp cần thiết phải hoạt động trong khung giờ nêu trên và trường hợp đặc biệt khác phải được cơ quan chức năng hỗ trợ điều tiết giao thông đảm bảo an toàn và phải áp dụng các biện pháp chủ động ngăn ngừa vật rơi, biện pháp bảo vệ an toàn cho người và phương tiện giao thông phía dưới được quy định tại Bảng 1 của QCVN 18:2014/BXD.

6. Phải có sổ theo dõi bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, thay thế các bộ phận đủ nội dung hạng mục công việc theo quy định của nhà chế tạo cần trục tháp và phải

có sổ giao ca để ghi kết quả kiểm tra đầu ca, tình trạng thiết bị nâng trong suốt quá trình làm việc cho mỗi cần trục tháp và phải được quản lý, lưu giữ tại công trường.

7. Bảo đảm sẵn sàng và hiệu quả của hệ thống điện dự phòng để đưa cần trục về trạng thái nghỉ trong trường hợp nguồn điện lưới bị mất.

8. Các hành vi nghiêm cấm khi vận hành, sử dụng cần trục tháp:

a) Sử dụng cần trục tháp để nâng, hạ và di chuyển người, kim loại lỏng, vật liệu nổ, chất độc, bình đựng khí nén hoặc chất lỏng nén;

b) Nâng, hạ tải vượt quá tải trọng cho phép;

c) Để người lên, xuống cần trục khi cần trục đang hoạt động;

d) Nâng, hạ tải khi có người đứng trên tải;

đ) Nâng, hạ tải trong tình trạng chưa ổn định, tải bị vùi dưới đất, bị các vật khác che khuất hoặc đè lên, bị liên kết bằng bu lông hoặc bê tông với các vật khác;

e) Cầu vối, kéo lê tải, vừa dùng người đẩy vừa nâng hạ tải;

g) Treo pano, áp phích, khẩu hiệu hoặc che chắn làm tăng diện tích cản gió của cần trục;

h) Chuyển tải phía trên các công trình liền kề, công trình lân cận.

## Mục 2

### QUẢN LÝ SỬ DỤNG MÁY VẬN THĂNG

#### Điều 6. Điều kiện lắp đặt, sử dụng máy vận thăng

1. Có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật của thiết bị theo quy định tại Mục 3.1 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy vận thăng (sau đây gọi tắt là QCVN 16:2013/BLĐTBXH). Lý lịch thiết bị được lập theo mẫu Phụ lục 03 của QTKĐ:02-2016/BXD Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn máy vận thăng trong thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 29/2016/TT-BXD.

2. Có hồ sơ quy định về quản lý an toàn lao động trong lưu thông, lắp đặt và sử dụng thiết bị máy vận thăng phù hợp với quy định tại Mục 3 của QCVN 07:2012/BLĐTBXH và quy định tại Mục 3 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH.

3. Có hồ sơ khảo sát vị trí dự kiến lắp đặt, thiết kế lắp đặt máy vận thăng tại vị trí dự kiến lắp đặt, phải được tính toán đảm bảo an toàn chịu lực, ổn định khi sử dụng máy vận thăng.

4. Có mua bảo hiểm cho máy vận thăng và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.

5. Có phương án đảm bảo an toàn máy vận thăng trong điều kiện mưa bão.

### **Điều 7. Sử dụng an toàn máy vận thăng**

1. Chỉ được lắp đặt máy vận thăng khi đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Lắp đặt và sử dụng máy vận thăng đảm bảo an toàn theo đúng hướng dẫn trong hồ sơ quy định về quản lý an toàn đã được phê duyệt. Sau khi lắp đặt xong phải có biên bản nghiệm thu lắp đặt máy vận thăng.

3. Thực hiện kiểm định kỹ thuật toàn bộ máy vận thăng trước khi đưa vào sử dụng lần đầu, kiểm định định kỳ và kiểm định bất thường theo quy định của QTKĐ:02-2016/BXD.

4. Mỗi máy vận thăng phải có nội quy sử dụng an toàn.

5. Người chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp, vận hành máy vận thăng phải được huấn luyện cơ bản về nghiệp vụ mà mình đảm nhận; được huấn luyện an toàn lần đầu trước khi giao việc, huấn luyện an toàn định kỳ hàng năm và được cấp thẻ an toàn lao động theo quy định; hiểu được tính năng kỹ thuật của máy vận thăng mà mình phụ trách; biết các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn liên quan đến máy vận thăng; biết cách khắc phục các sự cố khẩn cấp theo hướng dẫn của đơn vị lắp đặt được quy định tại Mục 3.7.3 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH.

6. Đảm bảo các yêu cầu an toàn khi sử dụng máy vận thăng theo quy định tại Mục 3.7.4 của QCVN 16:2013/BLĐTBXH.

7. Nghiêm cấm sử dụng vận thăng chuyên chở vật liệu để chở người.

### **Mục 3**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN TRONG QUẢN LÝ SỬ DỤNG CÀN TRỤC THÁP, MÁY VẬN THĂNG**

### **Điều 8. Chủ đầu tư**

1. Thực hiện việc khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng càn trục tháp, máy vận thăng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2. Phê duyệt hồ sơ thiết kế lắp đặt; quy trình an toàn trong tháo, lắp và hướng dẫn sử dụng an toàn; phương án đảm bảo an toàn trong điều kiện mưa bão.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát đơn vị quản lý sử dụng tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật an toàn được quy định tại QCVN 07:2012/BLĐTBXH, QCVN 16:2013/BLĐTBXH trong quá trình tháo, lắp và sử dụng đối với càn trục tháp, máy vận thăng.

4. Chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ kỹ thuật, kết quả kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ của càn trục tháp, máy vận thăng phục vụ thi công xây dựng công trình do mình làm chủ đầu tư và kiểm tra hồ sơ năng lực của công nhân điều khiển, công nhân buộc móc tải, công nhân đánh tín hiệu, cán bộ kỹ thuật phục vụ vận hành càn trục tháp, hồ sơ năng lực của người quản lý trực tiếp, vận hành máy vận thăng trước khi lắp đặt, sử dụng.

5. Chịu trách nhiệm đề nghị và phối hợp với Sở Giao thông vận tải, đơn vị quản lý công trình giao thông khi phải thực hiện biện pháp điều tiết giao thông để đảm bảo an toàn cộng đồng cho càn trục tháp làm việc.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu sự cố xảy ra do cần trục tháp, máy vận thăng gây ra.

### **Điều 9. Các tổ chức, cá nhân liên quan**

1. Triển khai lắp dựng, thực hiện quy trình an toàn tháo, lắp, hướng dẫn sử dụng an toàn cần trục tháp, máy vận thăng và đảm bảo an toàn trong điều kiện mưa bão theo hồ sơ đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2. Tuân thủ đúng các yêu cầu kỹ thuật an toàn quy định tại QCVN 07:2012/BLĐTBXH, QCVN 16:2013/BLĐTBXH và quy định tại Điều 4, Điều 6 Quy định này.

3. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, pháp luật nếu sự cố xảy ra do cần trục tháp, máy vận thăng gây ra và thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Chương III**

### **PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 10. Sở Xây dựng**

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với công trình dân dụng; công trình sản xuất vật liệu xây dựng; công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật quy định tại Mục I, Khoản 1 Mục II, Khoản 7 Mục III Phụ lục I quy định về phân loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP) và công trình giao thông trong đô thị trừ công trình đường sắt, công trình cầu vượt sông, đường quốc lộ, các công trình thuộc thẩm quyền quản lý, kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định trách nhiệm quản lý

chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND), cụ thể:

a) Công trình cấp II, III, IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp II, III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do cơ quan Trung ương quyết định đầu tư, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho cấp Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Công trình cấp II, cấp III sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp II sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư; Công trình cấp II do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng theo quy định tại Mục I, Khoản II.1 và II.7 Mục II, Mục III Phụ lục II quy định về danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; hướng dẫn kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đối với các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn;

b) Kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động được phối hợp đồng thời với kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định Khoản 8 Điều 34 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP); Điểm a Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2017/TT-BXD);

c) Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công tác kiểm tra an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng; điều tra tai nạn lao động;

điều tra sự cố về máy, thiết bị, vật tư sử dụng (sự cố gây mất an toàn lao động dẫn đến chết người hoặc làm bị thương nặng từ hai người trở lên) khi có yêu cầu;

d) Cập nhật thông tin các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng vi phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn và tổng hợp gửi báo cáo định kỳ đến Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng trên địa bàn theo quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo thống kê ngành xây dựng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2018/TT-BXD).

## **Điều 11. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên**

### **1. Sở Công Thương**

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động, kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành trừ các công trình thuộc thẩm quyền quản lý, kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều này, công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý, kiểm tra theo Khoản 1 Điều 10 quy định này và công trình thuộc trách nhiệm quản lý, kiểm tra của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện quản lý theo quy định tại Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND, cụ thể:

a) Công trình cấp II, III, IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp II, III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình công nghiệp quy định tại Mục II Phụ lục I quy định về phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu

tư, bao gồm các loại công trình quy định tại Mục II Phụ lục I quy định về phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Công trình công nghiệp cấp I trong các khu công nghiệp, bao gồm công trình luyện kim và cơ khí chế tạo, công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công trình dầu khí, công trình năng lượng, công trình hóa chất theo quy định tại Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

d) Công trình cấp II có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Khoản II.2, II.3, II.4, II.5, II.6 Mục II Phụ lục II quy định về danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

## 2. Sở Giao thông vận tải

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động, kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành trừ các công trình thuộc thẩm quyền quản lý, kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, công trình do Sở Xây dựng quản lý, kiểm tra theo Khoản 1 Điều 10 Quy định này và công trình thuộc trách nhiệm quản lý, kiểm tra của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện quản lý theo quy định tại Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND, cụ thể:

a) Công trình cấp II, III, IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp II, III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Công trình cấp II sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục I quy định về phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục IV Phụ lục II quy định về danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

### 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động, kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành trừ các công trình thuộc thẩm quyền quản lý, kiểm tra của các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và công trình thuộc trách nhiệm quản lý, kiểm tra của phòng có chức năng quản lý xây dựng cấp huyện quản lý theo quy định tại Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND, cụ thể:

a) Công trình cấp II, III, IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước và công trình cấp II, III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho Sở quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, bao gồm các loại công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục I Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Công trình cấp II sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư, bao gồm các loại công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục I quy định về phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

c) Công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Mục V Phụ lục II quy định về danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

### 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên

Chịu trách nhiệm phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý an toàn lao động, quản lý nhà nước về an toàn lao động đối với các loại công trình xây dựng trong khu công

nghiệp sau đây trừ các công trình thuộc quyền kiểm tra của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các công trình quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Công trình công nghiệp cấp II, III trong các khu công nghiệp theo quy định tại Phụ lục I quy định về phân loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP;

b) Công trình từ cấp II, III trong khu công nghiệp thuộc loại công trình có ảnh hưởng đến cộng đồng quy định tại Mục II Phụ lục II quy định về danh mục công trình, hạng mục công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do mình quản lý trên địa bàn tỉnh, thực hiện các công việc như sau:

a) Thực hiện các việc quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 10 Quy định này;

b) Cập nhật thông tin các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng vi phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình chuyên ngành do mình quản lý và định kỳ gửi báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh theo quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD.

## **Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với tất cả các công trình xây dựng trên địa bàn, không phân biệt nguồn vốn, chủ đầu tư trừ các công trình quốc phòng, an ninh thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại Khoản 3 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, các công trình xây dựng chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

2. Hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn. Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến về công tác đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thi công xây dựng trên địa bàn.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đối với các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn; cập nhật thông tin các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng vi phạm về an toàn lao động trong thi công xây dựng đối với các công trình trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều này và định kỳ gửi báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh theo quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD.

4. Kiểm tra công tác quản lý an toàn lao động theo quy định tại Khoản 8 Điều 34 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điểm a Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 04/2017/TT-BXD đối với các công trình xây dựng, bao gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật trừ công trình xử lý chất thải rắn theo Phụ lục I Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Công trình cấp III, cấp IV sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư; công trình cấp III sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; công trình cấp III (có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng) và công trình cấp IV do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật;

b) Công trình nhà ở riêng lẻ có chiều cao dưới 7 tầng thuộc cấp III.

5. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng; điều tra tai nạn lao động, điều tra sự cố về máy, thiết bị, vật tư sử dụng trong quá trình thi công xây dựng công trình khi có yêu cầu; chủ trì điều tra sự cố về máy, thiết bị, vật tư đối với các trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 04/2017/TT-BXD.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Những nội dung khác không quy định trong văn bản quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2020/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 11 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc bãi bỏ toàn bộ, bãi bỏ một phần một số Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 24/2007/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc hỗ trợ chế độ xã hội đối với giáo viên mầm non hợp đồng ngoài biên chế Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3316/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 10 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chuyển giao đất cho UBND huyện Định Hóa quản lý và sử dụng  
tại dự án xây dựng khu tái định cư di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất  
và có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và kè bờ suối khắc phục sạt lở  
tại xã Linh Thông, huyện Định Hóa**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên để thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất và có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét tại xã Linh Thông, huyện Định Hóa;*

*Xét đề nghị của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 335/TTr-CCCPTNT ngày 25 tháng 8 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 621/TTr-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chuyển giao diện tích 16.136,6 m<sup>2</sup> đất tại dự án xây dựng khu tái định cư di dân khẩn cấp vùng thiên tai sạt lở đất và có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ

quét và kè bờ suối khắc phục sạt lở khu vực UBND xã và trạm Y tế xã Linh Thông, huyện Định Hóa (được UBND tỉnh giao đất cho Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 2593/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 và Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 13/7/2020, dự án đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đã được nghiệm thu, quyết toán) cho UBND huyện Định Hóa quản lý và sử dụng theo quy định. Trong đó:

- Diện tích đất ở: 9.702,7 m<sup>2</sup>;
- Diện tích đất chuyên dùng khác: 3.152,8 m<sup>2</sup>.
- Diện tích đất giao thông: 3.281,1 m<sup>2</sup>.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục (chỉnh lý), trích lục chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 44, xã Linh Thông, huyện Định Hóa do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 09/9/2020.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Định Hóa, UBND xã Linh Thông, Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Định Hóa, Chủ tịch UBND xã Linh Thông, Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3341/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 10 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Ban quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II - Diện tích 250 ha, tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công (đợt 1)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Sông Công;*

*Xét Đơn xin giao đất của Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên ngày 14 tháng 9 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 646/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc giao đất cho Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II - Diện tích 250 ha, tại thành phố Sông Công (đợt 1),*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Giao đất**

1. Giao (đợt 1) diện tích 216.728,9 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thành phố Sông Công thu hồi và giải phóng mặt bằng) cho Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Công II - Diện tích 250 ha tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công.

Các nhà đầu tư vào khu công nghiệp Sông Công II thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao diện tích 236,1 m<sup>2</sup> đất tại xã Tân Quang, thành phố Sông Công (đã được UBND thành phố Sông Công thu hồi - phần nằm ngoài chỉ giới quy hoạch dự án) cho UBND xã Tân Quang quản lý theo quy định.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính (chỉnh lý), trích lục - chỉnh lý từ các tờ bản đồ số 44 (113-IV); số 45 (114-III); số 46 (114-IV); số 50 (10-I) và số 51 (10-II), xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 23/9/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Sông Công, UBND xã Tân Quang, Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Ban quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về đất đai.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công, Chủ tịch UBND xã Tân Quang và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH  
TẠI XÃ TÂN QUANG, THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG (ĐỢT 1)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3341/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2020  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>TT</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Diện tích trong quy hoạch (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích ngoài quy hoạch (m<sup>2</sup>)</b>
1	45	238	7.369,4	
2	46	261	21.922,1	
3	45	245	7.187,4	
4	45	246	7.756,3	
5	45	239	8.068,4	
6	46	260	434,0	
7	45	247	659,4	
8	45	244	7.905,2	
9	46	262	55,7	
10	44	172	410,8	
11	44	173	1.459,0	
12	46	259	9.616,8	
13	45	242	28.767,8	
14	45	243	11.867,2	
15	45	241	956,2	
16	44	171	6.299,0	126,7
17	45	240	1.662,2	
18	46	258	7.381,0	

TT	Số tờ	Số thửa	Diện tích trong quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Diện tích ngoài quy hoạch (m <sup>2</sup> )
19	50	377	137,9	
20	50	376	1.555,7	
21	50	373	292,1	
22	51	485	4.775,5	
23	51	487	261,0	
24	50	372	10.461,6	
25	51	484	260,2	7,9
26	50	369	11.612,9	28,4
27	50	370	16.654,0	
28	50	371	15.228,3	
29	50	367	744,6	
30	51	483	2.459,6	
31	50	368	4.412,6	
32	50	375	3.456,8	
33	50	366	8.909,6	73,1
34	50	364	2.997,2	
35	50	365	2.143,4	
36	50	362	308,8	
37	50	363	279,2	
<b>Tổng số</b>			<b>216.728,9</b>	<b>236,1</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3342/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 10 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 14)**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Phổ Yên;*

*Xét đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình ngày 25 tháng 9 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 647/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc đề nghị cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 14),*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê (đợt 14) diện tích 62.360,4 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thị xã Phổ Yên thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình tại phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 19 tháng 4 năm 2067.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định tại bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý), thửa đất số 2672, tờ bản đồ địa chính số 3, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 08/10/2020.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên, UBND phường Đồng Tiến, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình theo quy định;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND phường Đồng Tiến, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3357/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi  
lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của  
Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT/VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên;*

*Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2020;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên (*có Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	<i>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</i>	- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên Địa chỉ: phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.	Không có	- Luật số 67/2014/QH13. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3358/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 3910/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Hồng Bắc**

## PHỤ LỤC

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3358/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

## I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	<p>- Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép:</p>	<p>- <b>Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- <b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> + Chi cục Bảo vệ môi trường Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. + Sở Tài nguyên và Môi</p>	Không quy định	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quy, hiếm được ưu tiên bảo vệ.</p>

		<p>trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị</p>	<p>trường. Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. <b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: Số 18 đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>		
2	<p>Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học</p>	<p>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. <b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> + Chi cục Bảo vệ môi trường Địa chỉ: Số 425A, Đường</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008. - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học. - Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

			<p>Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Địa chỉ: số 18 đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>		<p>trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.</p>
--	--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>A- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1	Vận hành thử nghiệm các công	<i>Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ/Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải</i>	<b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số</p>

<p>trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án</p>	<p><i>của dự án:</i> Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.</p> <p><i>Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm:</i> 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.</p> <p><i>Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án:</i> 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Chi cục Bảo vệ môi trường</p> <p>Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					<p>bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường</p>
2	<p>Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn thẩm định.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ dự án):</p> <p>+ Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 25 (hai mươi lăm)</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>+ Chi cục Bảo vệ môi trường Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>- Có: Phí thẩm định: Theo Biểu số 1 đính kèm theo Quyết định này.</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-</p>

	<p>ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II nhưng loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP <b>bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.</b></p> <p>- Thời hạn thông báo kết quả: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày</p>	<p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Địa chỉ: số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường</p> <p>- Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh quy định tổ chức thực</p>
--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>kết thúc thẩm định.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.</p>			<p>hiện mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.</p>
3	<p>Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn xem xét, chấp thuận về môi trường: tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> + Chi cục Bảo vệ môi trường Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. + Sở Tài nguyên và Môi trường.</p>	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn</p>

			<p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Địa chỉ: số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>		<p>thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường</p>
4	<p>Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định</p>	<p>- <i>Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường:</i> là 15 (mười lăm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong</p>	<p>- <b>Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá</p>

<p>phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án</p>	<p>trường hợp cần thiết)</p>	<p>Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>+ Chi cục Bảo vệ môi trường</p> <p>Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Địa chỉ: số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật</p>
-----------------------------------------------------------------	------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
5	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>+ Chi cục Bảo vệ môi trường</p> <p>Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>+ Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường</p>	Chưa quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Luật khoáng sản năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p>

	40/2019/N Đ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/N Đ-CP)		Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.  - <b>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên.  Địa chỉ: số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.		- Thông tư số 38/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;
6	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	- <i>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:</i> Không quy định  - <i>Thời hạn cấp giấy xác nhận:</i> trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- <b>Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường.  Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.  - <b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b>  + Chi cục Bảo vệ môi trường  Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.  - Luật khoáng sản ngày 17/11/2010.  - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

			<p>Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. + Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</b> UBND tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>Địa chỉ: số 18 đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>		<p>điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.</p>
7	<p>Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường</p>	<p>- <i>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:</i> không quy định</p> <p>- <i>Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường:</i> Tối đa 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Chi cục</p>	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ</p>

			<p>Bảo vệ môi trường</p> <p>Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p>- <b>Cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</b> Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p>	<p>môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường</p>
--	--	--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

8	<p>Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH</p>	<p>- Kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.</p> <p>- Thời hạn xem xét cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:</p> <p>+ 15 ngày làm việc; + 30 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Chi cục Bảo vệ môi trường</p> <p>Địa chỉ: Số 425A, Đường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:</b> Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.</p>
---	-------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH</p> <p>* Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.</p>			
9	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH	<p>- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký.</p> <p>- Thời hạn xem xét cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, đầy đủ:</p> <p>+ 15 ngày làm việc;</p> <p>+ 30 ngày làm việc trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải CTNH thuộc đối tượng tự tái sử</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b> Chi cục Bảo vệ môi trường</p> <p>Địa chỉ: Số 425A, Đường</p>	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi</p>

		<p>dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở phát sinh CTNH, trong đó thời gian Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra cơ sở trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (Thời gian kiểm tra đối với một cơ sở không quá 02 ngày làm việc) và 15 ngày còn lại có trách nhiệm cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH</p> <p>* Lưu ý: Thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH.</p>	<p>Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:</b> Sở Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Địa chỉ: Số 132, Đường Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.</p>		<p>trường.</p> <p>- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH.</p>
<b>B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>					
1	<p>Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định</p> <p>- Thời hạn xem xét, xác nhận</p>	<p><b>- Cơ quan nhận hồ sơ:</b> Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện</p> <p><b>- Cơ quan thực hiện thủ</b></p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày</p>

<p>lại kế hoạch bảo vệ môi trường</p>	<p><i>đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường</i>: Tối đa 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p><b>tục hành chính:</b> Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện</p> <p><b>- Cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</b> UBND cấp huyện</p>	<p>14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,</p>
---------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

					hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
--	--	--	--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh)
2	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (cấp huyện)
3	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (cấp xã)

**Biểu 1**  
**BIỂU MỨC THU PHÍ THÂM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**  
**MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016*  
*của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nhóm dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)				
		<50	>50 và <100	>100 và <200	>200 và <500	>500
1	Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
5	Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3418/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu dân cư số 4 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (đợt 3)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Thái Nguyên;*

*Xét đơn xin giao đất của Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech, đề ngày 12 tháng 5 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 505/TTr-STNMT ngày 13 tháng 8 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Thu hồi đất và giao đất**

1. Thu hồi diện tích 678,2 m<sup>2</sup> đất tại phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên do UBND thành phố Thái Nguyên quản lý (được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 23/7/2005 và Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 09/11/2006).

2. Giao cho Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech diện tích 8.581,7 m<sup>2</sup> đất (bao gồm 7.903,5 m<sup>2</sup> đất đã được UBND thành phố Thái Nguyên thu hồi và giải phóng mặt bằng và 678,2 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại khoản 1 Điều này) để sử dụng vào mục đích xây dựng khu dân cư số 4, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, cụ thể như sau:

a) Diện tích 4.594,5 m<sup>2</sup> đất để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (đất hạ tầng kỹ thuật diện tích 16,8 m<sup>2</sup> và đất giao thông diện tích 4.577,7 m<sup>2</sup>).

b) Diện tích 3.987,2 m<sup>2</sup> đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 21/11/2057.

3. Giao diện tích 89,6 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thành phố Thái Nguyên thu hồi và giải phóng mặt bằng - phần nằm ngoài ranh giới quy hoạch) cho UBND phường Túc Duyên quản lý theo quy định.

4. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính (đo vẽ lại số 01, 02), tờ bản đồ địa chính số 1, 2, 4, 5, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỷ lệ 1:500, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 02/7/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Túc Duyên, Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech.

- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech theo quy định.

- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech sau

khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Túc Duyên, Giám đốc Công ty Cổ phần Hỗ trợ và Phát triển Công nghệ Detech và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ DETECH TẠI PHƯỜNG TÚC DUYÊN, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3418/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>TT</b>	<b>Số tờ bản đồ địa chính (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất ở (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất giao thông (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Diện tích đất nằm ngoài quy hoạch (m<sup>2</sup>)</b>
1	4	111,5	65,5		
2	4	254,2	513,8		20,7
3	4	3,7			28,6
4	4	86,7			
5	4	25,6	88,2		
6	4		8,2		
7	4	49,1	316,3		
8	4	94,5	11,4		
9	4	1,6			
10	4	2,2	23,3		13,2
11	4	0,8			
12	4	22,6			
13	4	234,2			
14	4	75,4	103,3		
15	4	5,3			
16	4	152,1	57,2	0,9	12,8
17	4	243,4	68,6		
18	4	463,2	215,0		
19	5		634,3		

TT	Số tờ bản đồ địa chính (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất ở (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất giao thông (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nằm ngoài quy hoạch (m <sup>2</sup> )
20	5	45,1	3,1		14,3
21	5	54,1			
22	5	7,7			
23	5	57,8			
24	5	349,2	953,2	1,9	
25	5	339,4	38,2	0,2	
26	5		1,7	2,2	
27	5			11,6	
28	2	58,3	169,1		
29	2	2,8			
30	2	4,8			
31	2	23,2	22,5		
32	2		0,7		
33	2	324,3	48,1		
34	2	861,3	1.010,0		
35	2	33,1	216,3		
36	2		9,7		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>3.987,2</b>	<b>4.577,7</b>	<b>16,8</b>	<b>89,6</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3419/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 27 tháng 10 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Thái Nguyên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 04 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Ngoại vụ tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Ngoại vụ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ NGOẠI VỤ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Phần I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế</b>	
1	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
2	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
3	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
4	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ

**Phần II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG QUY TRÌNH NỘI BỘ  
TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế**

**1. Thủ tục Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian</b>
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Ngoại vụ; xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập giấy tiếp nhận hồ sơ (không hẹn trả kết quả do TTHC không quy định), quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho phòng Hợp tác quốc tế.	Cán bộ, Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 2	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý.	Lãnh đạo phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, soạn thảo văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan trình lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Sở xét duyệt.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 4	Xem xét, ký duyệt văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan.	Lãnh đạo Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 5	Trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình trong thời hạn không quá 15 ngày.	Cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến	15 ngày làm việc
Bước 6	- Tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan; xây dựng Văn bản gửi UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế, Sở Ngoại vụ	Không quy định

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian</b>
	- Chuyên Lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Sở duyệt văn bản gửi UBND tỉnh.		
Bước 7	- Ký duyệt văn bản gửi UBND tỉnh. - Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	- Lãnh đạo Sở Ngoại vụ - Phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 8	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định
Bước 9	Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, chuyển kết quả cho chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt kết quả giải quyết TTHC, gửi kết quả giải quyết về Sở Ngoại vụ.	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định
Bước 10	Tiếp nhận kết quả giải quyết hồ sơ TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; Chuyển kết quả xuống Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 11	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	Cán bộ, công chức tại Bộ phận 1 cửa Sở Ngoại vụ	Không quy định
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>		<b>Không quy định</b>	

**2. Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian</b>
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Ngoại vụ; xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập giấy tiếp nhận hồ sơ (không hẹn trả kết quả do TTHC không quy định), quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho phòng Hợp tác quốc tế.	Cán bộ, Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 2	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, soạn thảo văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan trình lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Sở xét duyệt.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 4	Xem xét, ký duyệt văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan.	Lãnh đạo Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 5	Trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình trong thời hạn không quá 15 ngày.	Cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến	15 ngày làm việc
Bước 6	- Tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan; xây dựng dự thảo trình UBND tỉnh ký duyệt kết quả giải quyết TTHC - Chuyển Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế, Sở Ngoại vụ	Không quy định

Bước 7	- Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh. - Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	- Lãnh đạo Sở Ngoại vụ - Phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 8	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt kết quả giải quyết TTHC, gửi kết quả giải quyết về Sở Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định
Bước 9	Tiếp nhận kết quả giải quyết hồ sơ TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; Chuyển kết quả xuống Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	Cán bộ, công chức tại Bộ phận 1 cửa Sở Ngoại vụ	Không quy định
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>		<b>Không quy định</b>	

**3. Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian</b>
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Ngoại vụ; xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập giấy tiếp nhận hồ sơ (không hện trả kết quả do TTHC không quy định), quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho phòng Hợp tác quốc tế.	Cán bộ, Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 2	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, soạn thảo văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan trình lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Sở xét duyệt.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 4	Xem xét, ký duyệt văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan.	Lãnh đạo Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 5	Trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình trong thời hạn không quá 15 ngày.	Cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến	15 ngày làm việc
Bước 6	- Tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan; xây dựng Văn bản gửi UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. - Chuyển Lãnh đạo Phòng và Lãnh đạo Sở duyệt văn bản gửi UBND tỉnh.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế, Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 7	- Ký duyệt văn bản gửi UBND tỉnh.	- Lãnh đạo Sở	Không

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian</b>
	- Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Ngoại vụ - Phòng Hợp tác quốc tế	quy định
Bước 8	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định
Bước 9	Sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, chuyển kết quả cho chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt kết quả giải quyết TTHC, gửi kết quả giải quyết về Sở Ngoại vụ.	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định
Bước 10	Tiếp nhận kết quả giải quyết hồ sơ TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; Chuyển kết quả xuống Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 11	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	Cán bộ, công chức tại Bộ phận 1 cửa Sở Ngoại vụ	Không quy định
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>		<b>Không quy định</b>	

**4. Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ**

<b>Thứ tự công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm xử lý công việc</b>	<b>Thời gian</b>
Bước 1	- Tiếp nhận hồ sơ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Ngoại vụ; xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; lập giấy tiếp nhận hồ sơ (không hện trả kết quả do TTHC không quy định), quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử. - Chuyển hồ sơ cho phòng Hợp tác quốc tế.	Cán bộ, Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa của Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 2	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 3	Xem xét, thẩm định hồ sơ, soạn thảo văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan trình lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Sở xét duyệt.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 4	Xem xét, ký duyệt văn bản xin ý kiến các cơ quan liên quan.	Lãnh đạo Sở Ngoại vụ	Không quy định
Bước 5	Trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình trong thời hạn không quá 15 ngày.	Cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến	15 ngày làm việc
Bước 6	- Tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan; xây dựng dự thảo trình UBND tỉnh ký duyệt kết quả giải quyết TTHC - Chuyển Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế, Sở Ngoại vụ	Không quy định

Bước 7	- Ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh. - Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	- Lãnh đạo Sở Ngoại vụ - Phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 8	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý, trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt kết quả giải quyết TTHC, gửi kết quả giải quyết về Sở Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Không quy định
Bước 9	Tiếp nhận kết quả giải quyết hồ sơ TTHC từ Văn phòng UBND tỉnh; Chuyển kết quả xuống Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC.	Chuyên viên phòng Hợp tác quốc tế	Không quy định
Bước 10	Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức.	Cán bộ, công chức tại Bộ phận 1 của Sở Ngoại vụ	Không quy định
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>		<b>Không quy định</b>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3429/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi  
lĩnh vực Bru chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-BTTTT ngày 24/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về sửa đổi Quyết định số 927a/QĐ-BTTTT ngày 01/6/2020 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bru chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực Bru chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI LĨNH VỰC BƯU CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3429/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên <i>(Địa chỉ: Số 5, đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ nội tỉnh: 2.750.000 đồng.</li> <li>- Trường hợp thay đổi các nội dung khác trong giấy phép: 750.000 đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.
2	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng các quy định của pháp luật	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên <i>(Địa chỉ: Số 5, đường Nha Trang, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)</i>	- Phí thẩm định: 5.375.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bưu chính số 49/2010/QH ngày 28/6/2010.</li> <li>- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.</li> <li>- Thông tư số 25/2020/TT-BTC ngày 14/4/2020 của Bộ Tài chính</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 291/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3450/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, chấm dứt hoạt động của dự án Khu đô thị kiểu mẫu Hương Sơn tại phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, các văn bản hướng dẫn thực hiện và các quy định pháp luật liên quan;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hủy bỏ quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương, chấp thuận địa điểm và chấm dứt hoạt động dự án đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách thực hiện ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2539/TTr-SKHĐT ngày 21/10/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấm dứt hiệu lực pháp lý và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000005 ngày 19/01/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên, chấm dứt hoạt động của dự án Khu đô thị kiểu mẫu Hương Sơn tại phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên.

*Lý do:* Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Cường Lan nộp lại bản chính và bản sao (nếu có) Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000005 ngày 19/01/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực; đồng thời yêu cầu Công ty chấm dứt toàn bộ các hoạt động có liên quan đến dự án.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan giám sát và chịu trách nhiệm tổ chức việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000005 ngày 19/01/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan rà soát, thu hồi hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền thu hồi các văn bản có liên quan đến dự án theo chức năng, nhiệm vụ (nếu có) và đôn đốc thực hiện các nghĩa vụ của nhà đầu tư liên quan đến dự án theo đúng quy định.

- Giao UBND thành phố Thái Nguyên tiếp nhận, quản lý dự án theo quy định, đồng thời có trách nhiệm thông báo cho nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan biết về nội dung chấm dứt hoạt động của dự án, chấm dứt hiệu lực pháp lý các văn bản liên quan đến dự án theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên; Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Cường Lan và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Trịnh Việt Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3453/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-BKHĐT ngày 06/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (*có Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐẦU THẦU  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Kèm theo Quyết định số: 3453/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất	<p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem</p>	<p>- Nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên</p> <p><b>Địa chỉ:</b> Số 18, Đường Nha Trang, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	Không có	<p>- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</p>

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (đồng)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
		xét, phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, trong đó bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.			

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3456/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 15)**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4249/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thị xã Phổ Yên;*

*Xét đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình ngày 14 tháng 10 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 667/TTr-STNMT ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc đề nghị cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình, tại thị xã Phổ Yên (đợt 15).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình thuê (đợt 15) diện tích 67.757,7 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thị xã Phổ Yên thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Yên Bình tại xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 25 tháng 8 năm 2064.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định tại bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý), thuộc tờ bản đồ địa chính số 21, 22, 23, 29, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỷ lệ 1:2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 16/10/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh, UBND thị xã Phổ Yên, UBND xã Hồng Tiến, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình theo quy định;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Phổ Yên, Chủ tịch UBND xã Hồng Tiến, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Yên Bình và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT CHO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN YÊN BÌNH  
THUÊ ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG  
KHU CÔNG NGHIỆP YÊN BÌNH, TẠI THỊ XÃ PHỒ YÊN (ĐỢT 15)***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3456/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2020  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Số tờ BĐDC</b>	<b>Số thửa BĐDC</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
1	21	458	5.390,3
2	21	459	448,9
3	22	1976	507,1
4	22	1977	132,3
5	22	1978	502,8
6	22	1979	27,2
7	22	1980	434,7
8	22	1981	106,8
9	22	1982	81,8
10	22	1983	1.110,6
11	22	1984	11.658,7
12	22	1985	139,0
13	23	1697	9.220,0
14	23	1698	4.369,7
15	23	1699	264,1
16	23	1700	135,6
17	23	1701	238,5
18	23	1702	588,1
19	23	1703	3.653,1
20	23	1704	825,1
21	23	1705	6.005,6
22	23	1706	21.756,5
23	23	1707	25,9
24	29	1081	135,3
<b>Tổng</b>			<b>67.757,7</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3460/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án Nhà hàng Hồ điều hòa Xương Rồng II tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ các Luật: Đầu tư năm 2014, Xây dựng năm 2014, Doanh nghiệp năm 2014, Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư 2014;*

*Căn cứ Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hủy bỏ quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương, chấp thuận địa điểm và chấm dứt hoạt động dự án đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách thực hiện ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2499/TTr-SKHĐT ngày 15/10/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quyết định chấm dứt hiệu lực pháp lý, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư số 2722/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên, chấm dứt hoạt động dự án Nhà hàng Hồ điều hòa Xương Rồng II tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ.

*Lý do:* Nhà đầu tư quyết định dừng không thực hiện dự án theo Văn bản số 180/QĐ-HH ngày 28/9/2020 (thuộc trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 48 Luật Đầu tư 2014).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Yêu cầu Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ nộp bản chính và bản sao (nếu có) Quyết định chủ trương đầu tư số 2722/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định chấm dứt hiệu lực pháp lý và thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư. Đồng thời, yêu cầu Công ty chấm dứt toàn bộ các hoạt động có liên quan đến dự án.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan và Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động dự án theo quy định.

3. Giao Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên và các đơn vị liên quan thu hồi, hủy bỏ hoặc tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thu hồi, chấm dứt hiệu lực pháp luật các văn bản liên quan đến dự án theo chức năng, nhiệm vụ được phân công (nếu có); phối hợp với các Sở, ngành để giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định tại Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh.

4. Giao UBND thành phố Thái Nguyên có trách nhiệm thông báo cho nhân dân trong vùng dự án về việc chấm dứt hoạt động của dự án, chấm dứt hiệu lực pháp lý và thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư; đồng thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến dự án theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hữu Huệ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Trịnh Việt Hùng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3491/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 11 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ vàng gốc Deluvi khu vực Bãi Mố, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai (đợt 1)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2202/GP-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn được khai thác vàng gốc, deluvi bằng phương pháp lộ thiên và hầm lò tại mỏ vàng gốc, deluvi khu vực Bãi Mố, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai;*

*Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Võ Nhai đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019;*

*Xét Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn, đề ngày 14 tháng 5 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 644/TTr-STNMT ngày 09 tháng 10 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn thuê (đợt 1) diện tích 17.755,9 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND huyện Võ Nhai thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ vàng gốc Deluvi khu vực

Bãi Mố, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 20/11/2036 (Theo thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản số 2202/GP-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính, thửa đất số 90, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 2, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 06/12/2019.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Võ Nhai, UBND xã Thần Sa, Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn theo quy định;
- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Võ Nhai, Chủ tịch UBND xã Thần Sa, Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại thủ đô Gió Ngàn và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3492/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 03 tháng 11 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên, cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm thuê đất để sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng làm việc, kho chứa hàng tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Xét Đơn xin thuê đất của Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm, đề ngày 01 tháng 10 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-STNMT ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên, cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm thuê đất để xây dựng văn phòng làm việc, kho chứa hàng tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Thu hồi đất và cho thuê đất**

1. Thu hồi diện tích 3.691,0 m<sup>2</sup> đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên do Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch

vụ tổng hợp Thái Nguyên đang thuê (được UBND tỉnh cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 104168 ngày 23/6/2005; Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên đã chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm).

2. Cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm thuê diện tích 3.691,0 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại khoản 1 Điều này để sử dụng vào mục đích xây dựng văn phòng làm việc, kho chứa hàng tại phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 06/5/2047.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại thửa số 52, tờ bản đồ số 40, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Phan Đình Phùng, Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 104168 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 23/6/2005 mang tên Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa trung tâm theo quy định;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Phan Đình Phùng, Giám đốc Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa

trung tâm, Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3512/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Công ty Cổ phần KOSY để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên (đợt 1)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Thái Nguyên;*

*Xét đơn xin giao đất của Công ty Cổ phần KOSY, đề ngày 19 tháng 10 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 713/TTr-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Giao đất**

1. Giao cho Công ty Cổ phần KOSY diện tích 67.789,17 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thành phố Thái Nguyên thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án Khu đô thị số 11, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên,

cụ thể như sau:

a) Diện tích 36.372,37 m<sup>2</sup> đất để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật (đất giao thông diện tích 27.654,37 m<sup>2</sup>; đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật diện tích 898,3 m<sup>2</sup>; đất cây xanh, mặt nước diện tích 5.706,9 m<sup>2</sup>; đất có mục đích công cộng diện tích 2.112,8 m<sup>2</sup>).

b) Diện tích 2.794,6 m<sup>2</sup> đất quy hoạch xây dựng trường mầm non.

c) Diện tích 376,9 m<sup>2</sup> đất quy hoạch nhà ở xã hội.

d) Diện tích 28.245,30 m<sup>2</sup> đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 09/9/2070.

2. Giao diện tích 1.450,4 m<sup>2</sup> đất tại phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên (phần nằm ngoài ranh giới quy hoạch) cho UBND phường Gia Sàng quản lý theo quy định.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý), thuộc tờ bản đồ địa chính số 15, 20, 21, 47, 56, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỷ lệ 1: 1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 30/10/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại điểm d, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Gia Sàng, Công ty Cổ phần KOSY theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần KOSY.

- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần KOSY theo quy định.

- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần KOSY sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty Cổ phần KOSY bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Gia Sàng, Giám đốc Công ty Cổ phần KOSY và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.**

**DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN KOSY TẠI PHƯỜNG GIA SÀNG, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3512/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

STT	Số tờ bản đồ địa chính	Diện tích đất giao thông (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất cây xanh, mặt nước (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất trường mầm non (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất công trình công cộng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà ở xã hội (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất ở (m <sup>2</sup> )	Diện tích nằm ngoài quy hoạch dự án (m <sup>2</sup> )
1	15	1.557,4	89,8	66,4				798,2	299,2
2	15	266,9	53,8					705,9	
3	15	288,2	22,8					527,7	
4	15	288,9	86,1					446,9	
5	15	10,4	18,4					477,4	254,4
6	21							36,5	
7	21	890,9						182,0	
8	21	114,7	7,0					117,6	
9	21	2.312,0						3.005,0	34,9
10	21	328,7						573,2	
11	21	3.304,3						4.222,0	
12	21	360,6					376,9	109,3	
13	21	476,8						197,0	
14	21	364,9						77,7	
15	21	169,4						189,3	
16	21	3.540,9	68,7					3.341,1	

STT	Số tờ bản đồ địa chính	Diện tích đất giao thông (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất hạ tầng kỹ thuật (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất cây xanh, mặt nước (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất trường mầm non (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất công trình công cộng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất nhà ở xã hội (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất ở (m <sup>2</sup> )	Diện tích nằm ngoài quy hoạch dự án (m <sup>2</sup> )
17	21	932,3	25,5					432,5	8,8
18	21	702,4	75,2	1.413,4		909,7		1.509,2	
19	21	2.736,0	208,8			958,1		3.784,3	703,7
20	21					242,8			7,6
21	21	137,7				2,2		104,7	
22	21	0,1						586,4	
23	21	4.275,97	157,3	1.466,9	2.794,6			2.972,7	0,8
24	21							570,1	
25	21	482,1	84,9					857,7	141,0
26	20	262,5		289,1				880,9	
27	20	355,0						106,0	
28	20	77,6		361,1				9,7	
29	20	1.636,2		2.110,0				1.013,2	
30	20	157,3						411,1	
31	56	1.097,0							
32	56	334,3							
33	47	192,9							
<b>Tổng cộng</b>		<b>27.654,37</b>	<b>898,30</b>	<b>5.706,90</b>	<b>2.794,60</b>	<b>2.112,80</b>	<b>376,90</b>	<b>28.245,30</b>	<b>1.450,40</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3541/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất, cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu huệ thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ đất san lấp khu Đông tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công (đợt 1)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 3355/GP-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên cho phép Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu huệ được khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại khu Đông, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;*

*Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Sông Công đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019;*

*Xét Đơn xin thuê đất của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ, đề ngày 23 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 616/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2020 về việc thu hồi đất, cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu huệ thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ đất san lấp khu Đông tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu hồi đất và cho thuê đất

1. Thu hồi diện tích 81.381,0m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công do UBND phường Bách Quang quản lý.

2. Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ thuê diện tích 81.381,0m<sup>2</sup> đất thu hồi tại khoản 1 Điều này để sử dụng vào mục đích khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại khu Đông, phường Bách Quang, thành phố Sông Công.

Thời hạn thuê đất: Đến ngày 18/12/2028 (Theo thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản số 3355/GP-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản trích lục bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 57, 58, 62, 63 phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỷ lệ 1:1000, do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 14/9/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Sông Công, UBND phường Bách Quang, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Xác định đơn giá tiền thuê đất và thông báo cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ nộp tiền thuê đất, phí và lệ phí theo quy định;
- Ký hợp đồng thuê đất cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ theo quy định;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công, Chủ tịch UBND phường Bách Quang, Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hữu Huệ và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỮU  
HUỆ THUÊ ĐỂ KHAI THÁC ĐẤT SAN LẤP TẠI PHƯỜNG BÁCH QUANG,  
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG (ĐỢT 1)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3541/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2020  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>Số TT</b>	<b>Số tờ bản đồ địa chính</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Diện tích (m)<sup>2</sup></b>
1	57	153	17.933,0
2	58	193	45.468,0
3	62	290	9.237,0
4	63	230	8.743,0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>81.381,0</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3570/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 11 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên,  
giao cho UBND phường Túc Duyên quản lý theo quy hoạch  
tại phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2011 và Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao đất cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên để xây dựng Hạ tầng Khu dân cư sinh thái kiểu mẫu tại phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 728/TTr-STNMT ngày 10 tháng 11 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Thu hồi đất và giao đất**

1. Thu hồi diện tích 7.430,5 m<sup>2</sup> đất tại phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên giao cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (được UBND tỉnh Thái Nguyên giao đất tại Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 và Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 03/12/2013).

2. Giao diện tích 7.430,5 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại Khoản 1 Điều này cho UBND

phường Túc Duyên quản lý theo quy định.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản đồ địa chính chỉnh lý, thuộc các tờ bản đồ địa chính số 2, 3, 6, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, do Công ty TNHH đo đạc bản đồ Thái Đô đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt tháng 12 năm 2010 và tháng 12 năm 2011.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thái Nguyên, UBND phường Túc Duyên, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. UBND phường Túc Duyên có trách nhiệm quản lý diện tích đất được giao theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, Chủ tịch UBND phường Túc Duyên, Giám đốc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục****DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI CỦA CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN TẠI PHƯỜNG TÚC DUYÊN, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3570/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Số tờ bản đồ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
1	3	8	41,0
2	3	7	37,6
3	3	10	40,5
4	3	3	16,7
5	3	47	30,7
6	3	40	22,3
7	6	41	15,0
8	3	46	33,1
9	3	45	24,4
10	3	20	159,5
11	3	21	130,3
12	3	11	102,0
13	6	36	92,0
14	3	6	24,0
15	3	36	149,8
16	3	65	11,4
17	3	154	73,7
18	3	30	39,7
19	3	12	63,0
20	3	52	43,1
21	3	27	35,6
22	3	156	81,1
23	3	5	6,5
24	3	9	39,2
25	2	156	15,0
26	6	107	113,0
27	3	38	122,5

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )
28	3	35	70,7
29	2	72	30,0
30	3	23	34,2
31	3	29	32,0
32	3	24	35,0
33	6	42	19,6
34	3	43	73,0
35	6	35	8,2
36	6	49	149,2
37	3	48	101,0
38	3	49	52,2
39	3	41	52,4
40	3	32	25,3
41	3	16	48,5
42	3	4	7,4
43	6	38	68,0
44	2	56	64,0
45	3	13	103,0
46	3	22	82,7
47	6	47	312,0
48	6	48	63,0
49	6	47	76,0
50	6	47	0,6
51	3	25	90,0
52	6	45	129,0
53	3	57	109,0
54	3	31	45,7
55	3	39	26,6
56	3	54	53,8
57	3	42	29,5
58	6	44	33,4
59	3	50	51,4

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )
60	3	37	43,6
61	3	44	11,4
62	6	39	130,0
63	3	34	100,8
64	3	522	78,0
65	3	58	116,0
66	3	44	53,3
67	6	43	43,2
68	6	523	10,5
69	3	18	116,0
70	3	61	78,0
71	3	28	49,0
72	3	63	39,0
73	3	26	67,0
74	3	1	102,8
75	3	59	85,0
76	3	15	97,0
77	6	71	48,0
78	6	260	20,4
79	3	91	38,0
80	3	32	125,0
81	3	57	109,0
82	6	37	119,0
83	6	97	99,0
84	3	59	32,0
85	3	67	33,0
86	6	4	10,0
87	3	1	98,0
88	2	155	120,0
89	2	82	66,0
90	6	1	33,0
91	3	31	19,0

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )
92	3	101	23,0
93	6	98	28,0
94	3	112	36,0
95	6	14	20,0
96	3	524	26,0
97	3	80	31,0
98	3	63	41,0
99	3	145	28,0
100	2	180	49,0
101	3	111	72,0
102	3	28	47,0
103	2	198	35,0
104	3	102	20,0
105	3	118	20,0
106	3	77	92,0
107	2	215	321,0
108	2	251	213,7
109	3	33	35,5
110	6	504	28,2
111	6	506	435
	<b>Cộng tổng</b>		<b>7.430,5</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3579/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất, giao đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên để xây dựng Nhà trông coi khu căn cứ chiến đấu tại xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chuyển tiếp, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Phú Lương;*

*Xét đơn xin giao đất của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, đề ngày 19 tháng 8 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 699/TTr-STNMT ngày 03 tháng 11 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Thu hồi đất và giao đất**

1. Thu hồi diện tích 786,7 m<sup>2</sup> đất do UBND xã Phú Đô, huyện Phú Lương quản lý, gồm: Diện tích 785,2 m<sup>2</sup> đất đất núi đá không có rừng (NCS) và diện tích 1,5 m<sup>2</sup> đất giao thông (DGT) tại xã Phú Đô, huyện Phú Lương.

2. Giao diện tích 786,7 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại Khoản 1 Điều này cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích xây dựng Nhà trông coi

khu căn cứ chiến đấu tại xã Phú Đô, huyện Phú Lương.

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản bản đồ địa chính (trích lục - chính lý), thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 98, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỷ lệ 1:2000, do Công ty TNHH Tư vấn tài chính nhà đất HF lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 29/9/2020.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Phú Lương, UBND xã Phú Đô, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới thu hồi và giao đất trên thực địa;
- Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phú Lương, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch UBND xã Phú Đô và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3601/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO để thực hiện dự án Khu nhà ở Bách Quang, tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1)**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 4243/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 thành phố Sông Công;*

*Xét đơn xin giao đất của Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO, đề ngày 21 tháng 10 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 724/TTr-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Giao đất**

1. Giao cho Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO diện tích 68.858,8 m<sup>2</sup> đất (đã được UBND thành phố Sông Công thu hồi và giải phóng mặt bằng) để sử dụng vào

mục đích thực hiện Dự án Khu nhà ở Bách Quang, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, cụ thể như sau:

a) Diện tích 27.556,2 m<sup>2</sup> đất ở để xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê. Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 14/02/2070.

b) Diện tích 4.164,9 m<sup>2</sup> đất quy hoạch nhà ở xã hội.

c) Diện tích 37.137,7 m<sup>2</sup> đất để đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, đất giao thông, bãi đỗ xe, cây xanh, nhà văn hóa...

2. Giao diện tích 553,5 m<sup>2</sup> đất tại phường Bách Quang, thành phố Sông Công (*phần nằm ngoài ranh giới quy hoạch*) cho UBND phường Bách Quang quản lý theo quy định.

3. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định tại Bản đồ địa chính (trích lục), thuộc tờ bản đồ địa chính số 38, 39, 43, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỷ lệ 1: 1000, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập ngày 06/10/2020.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2.** Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đối với phần diện tích đất giao tại điểm a, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, UBND thành phố Sông Công, UBND phường Bách Quang, Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện:

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO.

- Thông báo nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO theo quy định.

- Xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Đối với phần diện tích đất giao tại điểm b, điểm c, khoản 1, Điều 1 Quyết định này: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xác định cụ thể mốc giới, giao đất trên thực địa và chính lý hồ sơ địa chính theo quy định.

3. Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO bàn giao lại cho địa phương quản lý

theo quy định sau khi hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Sông Công, Chủ tịch UBND phường Bách Quang, Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn DANKO và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**Phụ lục.****DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DANKO  
TẠI XÃ PHƯỜNG BÁCH QUANG, THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3601/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2020  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

<b>STT</b>	<b>Số tờ bản đồ</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>
<b>I</b>	<b>Đất ở</b>	<b>27.556,2</b>
1	38	97,1
2	38	429,1
3	38	54,8
4	38	336,4
5	38	15,9
6	38	162,3
7	38	234,0
8	38	1.291,0
9	38	145,5
10	38	20,9
11	38	2.278,0
12	38	2.341,3
13	38	68,9
14	38	1.030,6
15	38	1.737,9
16	38	1.078,2
17	38	2.040,8
18	38	577,1
19	38	333,0
20	38	616,6
21	39	777,6
22	39	889,3
23	39	142,1
24	43	861,4
25	43	1.377,4
26	43	1.891,0
27	43	990,4
28	43	232,3
29	43	269,0
30	43	562,5

STT	Số tờ bản đồ	Diện tích (m <sup>2</sup> )
31	43	568,6
32	43	82,7
33	43	120,9
34	43	449,7
35	43	0,4
36	43	142,8
37	43	61,5
38	43	1.608,8
39	43	1.638,4
<b>II</b>	<b>Đất nhà ở xã hội</b>	<b>4.164,9</b>
1	38	155,2
2	38	14,2
3	38	3.433,6
4	38	528,4
5	39	1,0
6	39	32,5
<b>III</b>	<b>Đất công cộng, nhà văn hóa, giao thông, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>37.137,7</b>
<b>Tổng (I+II+III)</b>		<b>68.858,8</b>
<b>Diện tích đất giao cho UBND phường Bách Quang quản lý</b>		<b>553,5</b>
1	43	9,4
2		544,1

**CÔNG BÁO** tỉnh Thái Nguyên là ấn phẩm chính thức của tỉnh Thái Nguyên dùng để công bố tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành. Thông tư số 01/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ : Hướng dẫn thực hiện quy định về Công báo tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ: “Văn bản đăng trên Công báo là văn bản chính thức và có giá trị như bản gốc. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa Công báo in và Công báo điện tử thì sử dụng Công báo in làm căn cứ chính thức”.

Công báo tỉnh Thái Nguyên gồm có các số thường kỳ và Mục lục Công báo cuối năm; Công báo được phát hành trên phạm vi toàn tỉnh do Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên biên tập và thực hiện xuất bản.

Công báo in được in trên giấy có kích thước 29 cm chiều dài x 20,5 cm chiều rộng. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ; Công báo điện tử được phát hành tại địa chỉ Website: <http://congbaothainguyen.gov.vn>.

Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua đề nghị liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin tỉnh Thái Nguyên.

---

## **VĂN PHÒNG UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang - TP. Thái Nguyên

Điện thoại: (0208).3 751 789

Fax: (0208).3 851 149

Email: [portal@thainguyen.gov.vn](mailto:portal@thainguyen.gov.vn)

Website: [www.congbaothainguyen.gov.vn](http://www.congbaothainguyen.gov.vn)